

Bản án số: 218/2024/DS-ST  
Ngày: 08 - 5 - 2024  
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Phú;

Bà Lâm Thị Nga.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thiện Quang là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 5 năm 2024, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 801/2023/TLST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2023 về: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 236/2024/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 404/2024/QĐST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty T1 (Việt Nam); Trụ sở: 91 đường P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lâm Thị Thùy D; Địa chỉ: P, Tầng D, Tòa nhà số G T, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Giấy ủy quyền lập ngày 05 tháng 9 năm 2023) - Vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Minh T; Địa chỉ: F, Tổ C, Khu phố C, phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của Công ty T1 (Việt Nam) và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 20/12/2022, Công ty T1 (Việt Nam) - sau đây gọi tắt là Công ty T1, ký Hợp đồng tín dụng số: 4145640 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng tín dụng) về việc cấp tín dụng cho ông Nguyễn Minh T với khoản vay trị giá 21.540.000 đồng, lãi suất 48%/năm. Sau khi ký kết, Công ty T1 đã giải ngân theo đúng quy định trong Hợp đồng tín dụng cho ông Nguyễn Minh T. Theo Hợp đồng tín dụng, ông Nguyễn Minh T có nghĩa vụ thanh toán hàng tháng với số tiền là 1.412.911 đồng trong kỳ hạn 24 tháng kể từ ngày 25/01/2023 đến ngày 25/12/2024. Sau khi được giải ngân, ông T thanh toán được 02 kỳ với tổng số tiền gốc và lãi là 2.849.822.

Từ ngày 27/02/2023 ông Nguyễn Minh T đã không thanh toán đầy đủ theo nghĩa vụ hợp đồng đối với khoản vay mà phía Công ty T1 đã giải ngân. Công ty T1 đã liên hệ yêu cầu ông Nguyễn Minh T thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng nhưng ông T không thực hiện nên nguyên đơn khởi kiện. Tính đến ngày 08/5/2024, ông Nguyễn Minh T đã trễ hạn không thanh toán các khoản tiền như sau:

Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 20.566.549 đồng; tiền lãi phát sinh trong hạn: 8.926.909 đồng; tiền lãi trên nợ gốc bị quá hạn: 4.130.065 đồng; tiền lãi chậm trả: 571.031 đồng. Tổng cộng là: 34.194.554 đồng. Nay, Công ty T1 yêu cầu cá nhân ông Nguyễn Minh T thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên. Đồng thời, ông T phải thanh toán lãi phát sinh theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 4145640 từ ngày 09/5/2024 cho đến khi trả hết nợ.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 22/01/2024, bị đơn là ông Nguyễn Minh T trình bày: Ông xác nhận đúng là ngày 20/12/2022, ông và Công ty T1 (Việt Nam) - sau đây gọi tắt là Công ty T1 có ký Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số: 4145640 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng tín dụng) về việc Công ty T1 cấp tín dụng cho ông với khoản vay trị giá 21.540.000 đồng. Sau khi ký kết, Công ty T1 đã giải ngân và ông T đã nhận được tiền theo hợp đồng. Theo Hợp đồng tín dụng, ông T có nghĩa vụ thanh toán hàng tháng với số tiền là 1.412.911 đồng trong kỳ hạn 24 tháng kể từ ngày 25/01/2023 đến ngày 25/12/2024. Tuy nhiên, sau khi được giải ngân, ông T thanh toán được 02 kỳ với tổng số tiền là 2.849.822 đồng, sau đó do tình hình kinh tế khó khăn nên từ ngày 27/02/2023 ông không thanh toán được theo hợp đồng. Ông Nguyễn Minh T thừa nhận tính đến ngày 22/01/2024 (ngày Tòa án tiến hành hòa giải), ông còn nợ Công ty T1 số tiền theo hợp đồng nêu trên như sau:

Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 20.566.549 đồng; tiền lãi phát sinh trong hạn: 6.987.229 đồng; tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn: 2.206.223 đồng; tiền lãi chậm trả: 333.455 đồng. Tổng cộng là: 30.093.456 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn là bà Lâm Thị Thùy D vắng mặt, có đơn xin vắng mặt, có bản tự khai phù hợp với yêu cầu khởi kiện và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn là ông Nguyễn Minh T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ hồ sơ vụ án thể hiện ông Nguyễn Minh T có giao kết hợp đồng tín dụng (Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 4145640 ngày 19/02/2022, xác nhận ngày 20/02/2022) với Công ty T1 (Việt Nam) - sau đây gọi tắt là Công ty T1. Do ông Nguyễn Minh T vi phạm hợp đồng nên xảy ra tranh chấp. Vì vậy, có cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Theo hợp đồng tín dụng giữa hai bên và xác nhận của ông Nguyễn Minh T thì ông T có địa chỉ cư trú tại F, Tổ C, Khu phố C, phường H, Quận A. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 không tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự;

[4] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn là Công ty T1 do bà Lâm Thị Thùy D là người đại diện theo ủy quyền vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa, ông Nguyễn Minh T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc là 20.566.549 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, sự thừa nhận của bị đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có giao kết hợp đồng tín dụng (Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 4145640 ngày 19/02/2022, xác nhận ngày 20/02/2022). Sau khi ký kết, Công ty T1 đã giải ngân và ông T đã nhận được tiền theo hợp đồng. Ông T thanh toán được 02 kỳ với tổng số tiền cả gốc và lãi là 2.849.822 đồng thì ngưng. Số nợ gốc còn lại chưa thanh toán là: 20.566.549 đồng. Như vậy, ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo khoản 8.1 Điều 8 của hợp đồng tín dụng đã ký kết, nên căn cứ vào Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, toàn bộ dư nợ còn thiếu được chuyển sang nợ quá hạn theo từng kỳ (bắt đầu từ kỳ thứ 03 ngày 25/3/2022) và buộc bị đơn phải trả nợ là có cơ sở chấp nhận.

[6] Về tiền lãi: Theo thỏa thuận của hợp đồng thì ông T phải trả cho Công ty T1 từng phần nợ gốc theo từng kỳ thanh toán (24 kỳ) và tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 3 của hợp đồng tín dụng nhưng ông T không thực hiện nên khi đến hạn của từng kỳ trả nợ mà ông T không trả, Công ty T1 đã chuyển số tiền nợ gốc của kỳ hạn đó thành nợ quá hạn và tính lãi quá hạn theo lãi suất thỏa thuận tại khoản 8.3 Điều 8 của hợp đồng. Tính đến ngày xét xử 08/5/2024 thì tiền lãi phát sinh trong hạn: 8.926.909 đồng; tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn: 4.130.065 đồng; tiền lãi chậm trả: 571.031 đồng theo bản Báo cáo thu hồi nợ vay hợp đồng tín dụng do nguyên đơn cung cấp. Việc nguyên đơn tính lãi quá hạn trên nợ gốc theo từng kỳ trả nợ quá hạn (không phải trên toàn bộ số nợ gốc quá hạn từ thời điểm bị đơn vi phạm thời hạn trả nợ, ngày 25/3/2022) là có lợi cho bị đơn và cũng phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên được chấp nhận.

[7] Xét việc bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả toàn bộ số nợ trên một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở.

[8] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho nguyên số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 21, khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 385, Điều 401, Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

*Tuyên xử:*

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T1 (Việt Nam):**

1.1. Buộc ông Nguyễn Minh T có trách nhiệm trả cho Công ty T1 (Việt Nam) số tiền nợ tính đến ngày 08/5/2024 phát sinh từ “Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng” số 4145640 ngày 19/02/2022, xác nhận ngày 20/02/2022 là: 34.194.554 đồng (Ba mươi bốn triệu, một trăm chín mươi bốn nghìn, năm trăm năm mươi bốn đồng); trong đó: Nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 20.566.549 đồng (Hai mươi triệu, năm trăm sáu mươi sáu nghìn, năm trăm bốn mươi chín đồng); tiền lãi phát sinh trong hạn: 8.926.909 đồng (Tám triệu, chín trăm hai mươi sáu nghìn, chín trăm lẻ chín đồng); tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn: 4.130.065 đồng (Bốn triệu, một trăm ba mươi nghìn, không trăm sáu mươi lăm đồng); tiền lãi chậm trả: 571.031 đồng (Năm trăm bảy mươi một nghìn, không trăm ba mươi một đồng). Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật;

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Minh T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà ông Nguyễn Minh T phải thanh toán cho nguyên đơn cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của bên cho vay.

**2. Về án phí:**

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm là 1.709.728 đồng (Một triệu, bảy trăm lẻ chín nghìn, bảy trăm hai mươi tám đồng) do ông Nguyễn Minh T chịu;

2.2. Trả lại cho Công ty T1 (Việt Nam) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 625.998 đồng (Sáu trăm hai mươi lăm nghìn, chín trăm chín mươi tám đồng) theo Biên lai thu số 0031238 ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12.

**3. Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*Nơi nhận:*  
- Đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- Viện KSND Quận 12;
- Chi cục THADS Quận 12;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Trần Văn Điệp**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Điệp**